

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS -PT

Ngày: 25-01-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Lê Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Võ Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2017/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 242/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1971; cư trú tại: Tổ A, ấp H1, xã H2, huyện C, Tây Ninh, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh H: Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1969; cư trú tại: Đường T, ấp B, xã B1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2017), có mặt.

- Bị đơn:

1. Chị Phan Ngọc K, sinh năm 1986, có mặt;

2. Anh Lê Quốc C, sinh năm 1986, có mặt; cùng cư trú tại: Tổ D, ấp H1, xã H2, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Người kháng cáo: Bị đơn chị Phan Ngọc K, anh Lê Quốc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-5-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Lê Văn H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2016, anh H có cho vợ chồng anh C, chị K vay tiền nhiều lần cụ thể: Ngày 20-9-2016 vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 01-10-2016, vay số tiền 10.000.000 đồng; ngày 15-10-2016 vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 16-10-2016 vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 19-10-2016 vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 10-11-2016 vay số tiền 167.000.000 đồng để trả ngân hàng, đáo hạn ngân hàng xong chị K, anh C lấy tiền đó cho người khác vay lấy lời chứ không trả tiền cho anh H. Vợ chồng anh C, chị K vay sáu lần tổng số tiền 307.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 5%/01 tháng, thời hạn vay khoảng 01 đến 02 tuần trả. Từ ngày vay đến nay vợ chồng anh C, chị K đóng lãi cho anh H được số tiền 31.500.000 đồng cụ thể: lãi của số tiền 140.000.000 đồng là 8.500.000 đồng; 01 tháng 15.000.000 đồng/tháng đối với số tiền 307.000.000 đồng và tháng 12-2016 AL đóng được 8.000.000 đồng, từ đó anh C, chị K ngưng không đóng lãi. Trong đó tiền lãi chị B vợ anh H trực tiếp nhận 03 lần số tiền 14.000.000 đồng (lần 1 nhận 5.000.000 đồng, lần hai nhận 3.000.000 đồng, lần 3 nhận 6.000.000 đồng) anh H trực tiếp nhận 17.500.000 đồng.

Nay anh H yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Quốc C và chị Phan Ngọc K trả cho anh H số tiền gốc 307.000.000 đồng (ba trăm lẻ bảy triệu đồng) và tiền lãi từ tháng 01-2017 AL cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật, tiền lãi anh C, chị K đã đóng 31.500.000 đồng, anh H đồng ý tính lại theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - anh Lê Quốc C trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của anh H về số tiền vay, thời gian vay tiền. Vợ chồng anh vay năm lần tổng số tiền 140.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày tính theo từng thời gian vay. Khi vay không thỏa thuận thời hạn trả. Từ ngày vay đến nay vợ chồng anh đóng lãi hàng tháng đầy đủ cho anh H, từ tháng 01-2017 (AL) ngưng đóng lãi cho anh H, việc đóng lãi không có ai làm chứng và không có ký giấy tờ gì. Một tháng đóng lãi 21.000.000 đồng, đóng 04 lần, trong đó 03 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, còn 01 lần 6.000.000 đồng. Tổng cộng đóng lãi hơn 60.000.000 đồng.

Ngày 10-11-2016, chị Phan Ngọc K có vay anh H số tiền 167.000.000 đồng để trả ngân hàng A Thành Long, có làm giấy nợ viết tay do chị K ký tên, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, anh đóng lãi khoảng gần một tháng khoảng 14, 15 triệu đồng nhưng không có ai chứng kiến và không có giấy tờ gì chứng minh. Trả ngân hàng xong do không vay được tiền nên vợ chồng có xuống Ngân hàng A tỉnh Tây Ninh vay lại số tiền 200.000.000 đồng, vay tiền xong anh đem tiền về trả cho anh H 167.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ gì, anh cũng không lấy lại giấy nợ mà chỉ gạt giấy nợ tại nhà anh H.

Nay anh H yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền 307.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 01-2017 (AL) cho đến ngày xét xử, anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý

trả anh H số tiền 140.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì vợ chồng đóng lãi nhiều, không đủ khả năng trả thêm. Đối với số tiền 167.000.000 đồng trả xong không còn nợ.

Bị đơn - chị Phan Ngọc K trình bày:

Chị thống nhất với lời khai của anh C. Chị đồng ý trả cho anh H số tiền 140.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì vợ chồng đóng lãi nhiều, không đủ khả năng trả thêm.

Chị trả lãi cho anh H 4-5 lần, mỗi lần đưa 2.000.000 đến 5.000.000 đồng, có lần chị đưa cho chị B vợ anh H, việc trả tiền không làm giấy tờ gì.

Chị xác định số tiền 167.000.000 đồng chị đã trả cho anh H xong, anh H đã gạch giấy nợ, giấy nợ anh H nộp cho Tòa án đúng là chữ ký của chị, giấy nợ đã gạch bỏ nhưng không biết vì sao anh H lại có giấy nợ này. Tại phiên tòa sơ thẩm chị K yêu cầu giám định chữ ký của chị trong giấy nợ ngày 10-11-2016. Tổng cộng chị đã đóng lãi cho anh H khoảng 80 triệu đồng không ai chứng kiến và cũng không có giấy tờ.

Tại Bản án số: 35/2017/DSST ngày 08-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 102; Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471; 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn H. Buộc anh Lê Quốc C và chị Phan Ngọc K trả cho anh Lê Văn H số tiền 295.195.000 (Hai trăm chín mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về án phí:* Anh Lê Quốc C và chị Phan Ngọc K phải chịu 14.759.750 (Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh H 7.675.000 (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0017914 ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, bị đơn anh Lê Quốc C và chị Phan Ngọc K kháng cáo với nội dung: Chỉ chấp nhận trả cho anh H số tiền 140.000.000 đồng, không đồng ý trả 167.000.000 đồng; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự số 36/2017/DSST, ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H; không đồng ý trả số tiền gốc và lãi là 295.195.000 đồng; yêu cầu giám định chữ ký K trong giấy nợ tiền 167.000.000 đồng ngày 10-11-2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh C, chị K giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng Nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Quốc C và chị Phan Ngọc K; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1] Hai bên đương sự thống nhất về số lần vay tiền, thời gian vay tiền và lãi suất vay. Về thời hạn vay, anh C cho rằng vay có thời hạn 20 ngày nhưng anh C, chị K cho rằng vay không có thời hạn, nhưng tại Giấy vay tiền do anh C, chị K viết cho anh H không thể hiện thời hạn vay. Do đó, có căn cứ xác định hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi. Cấp sơ thẩm áp dụng Điều 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về số tiền anh C, chị K còn nợ anh H, xét thấy: Trong tổng số tiền anh C, chị K vay của anh H 307.000.000 đồng thì số tiền 167.000.000 đồng được ghi trong một giấy nợ. Chị K, anh C thừa nhận chỉ lập 01 giấy nợ và giao cho anh H giữ. Anh C, chị K cho rằng đã trả nợ xong và gạch vào giấy nợ để đánh dấu thể hiện đã trả nợ. Tuy nhiên, qua xem xét, anh C, chị K xác định giấy nợ do anh H cung cấp không có dấu gạch bỏ, cũng không có dấu hiệu bị tẩy xóa mà cho rằng chữ ký trong giấy nợ này không phải của chị K, không phải giấy nợ mà chị K đã ký cho anh H trước đó. Ngoài ra, anh C, chị K không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh đã trả cho anh H số tiền 167.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm và trong đơn kháng cáo, anh C, chị K yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký của chị K trong Giấy nợ ngày 10-11-2016, tuy

nhiên, xét thấy chị K đã thừa nhận chữ ký là của mình, việc giám định là không cần thiết và không có giá trị chứng minh cho việc anh chị đã trả tiền cho anh H. Mặt khác, chị K cũng không cung cấp được chữ ký làm mẫu so sánh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của chị K. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, buộc vợ chồng anh C, chị K trả cho anh H số tiền 167.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về số tiền lãi đã trả: Anh C, chị K cho rằng đã trả cho anh H 60.000.000 đồng tiền lãi của số tiền vốn 140.000.000 đồng trong thời gian 4 đến 5 tháng, với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức là 15%/tháng) nhưng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày này; anh H chỉ thừa nhận có nhận số tiền lãi là 31.500.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận lời trình bày của anh H, khấu trừ một phần tiền lãi chị K, anh C đã trả vào nợ gốc là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn – anh Lê Quốc C và chị Phan Ngọc K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo của anh C, chị K không được chấp nhận nên anh C, chị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 474, 476, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Quốc C và chị Phan Ngọc K.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn H. Buộc anh Lê Quốc C và chị Phan Ngọc K trả cho anh Lê Văn H số tiền 295.195.000 (hai trăm chín mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh C, chị K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Quốc C và chị Phan Ngọc K phải chịu 14.759.750 (mười bốn triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh H 7.675.000 đồng (bảy triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số: 0017914 ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh C, chị K phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh C, chị K đã nộp theo Biên lai thu số: 0018186 ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh C, chị K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Châu thành ;
- CCTHADS h. C;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai